

## **PHẦN 2: CÁC TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ**

**Câu 52: Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm những tổ chức nào?**

**Trả lời:**

Các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp gồm có:

1. Hội đồng bầu cử quốc gia;
2. Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban bầu cử).
3. Ban bầu cử ở đơn vị bầu cử gồm: Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là Ban bầu cử).
4. Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu.

**Câu 53: Hội đồng bầu cử quốc gia do cơ quan nào thành lập? Thành phần, số lượng thành viên Hội đồng bầu cử được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Hội đồng bầu cử quốc gia do Quốc hội thành lập. Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 11 đã ban hành Nghị quyết số 105/2015/QH13 ngày 25-11-2015 về ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021; thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia. Hội đồng bầu cử quốc gia có từ 15 đến 21 thành viên gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là đại diện Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia do Quốc hội bầu, miễn nhiệm theo đề nghị của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia do Quốc hội phê chuẩn theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia.

**Câu 54: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn chung như chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử; chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử; kiểm tra, đôn đốc việc thi

hành pháp luật về bầu cử; quy định mẫu hồ sơ ứng cử, mẫu thẻ cử tri, mẫu phiếu bầu cử, nội quy phòng bỏ phiếu, các mẫu văn bản khác sử dụng trong công tác bầu cử thì Hội đồng bầu cử quốc gia còn thực hiện những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Ấn định và công bố số đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu Quốc hội được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử.

2. Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội; nhận hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi đến.

3. Gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đến Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để thực hiện việc hiệp thương. Giới thiệu và gửi hồ sơ của người ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương, giới thiệu để về ứng cử tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4. Lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo từng đơn vị bầu cử; xóa tên người ứng cử trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

5. Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử của các Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ban bầu cử; lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước.

6. Quyết định việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Quốc hội hoặc hủy bỏ kết quả bầu cử và quyết định ngày bầu cử lại ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

7. Xác nhận và công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước; xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội.

8. Trình Quốc hội khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội được bầu.

9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội; chuyển giao hồ sơ, khiếu nại, tố cáo liên quan đến những người trúng cử đại biểu Quốc hội cho Ủy ban thường vụ Quốc hội.

10. Quản lý và phân bổ kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội.

**Câu 55: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Trong việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, ngoài việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn chung đã nêu ở đoạn đầu của Câu 54, Hội đồng bầu cử quốc gia còn có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.
2. Hướng dẫn hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.
3. Kiểm tra việc tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.
4. Hủy bỏ kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và quyết định ngày bầu cử lại ở khu vực bỏ phiếu, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

**Câu 56: Hội đồng bầu cử quốc gia trong bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 có cơ cấu như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Nghị quyết số 105/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội khóa XIII về ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021; thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia thì cơ cấu tổ chức của Hội đồng bầu cử quốc gia gồm 21 thành viên, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia là ông Nguyễn Sinh Hùng, Chủ tịch Quốc hội.
2. Các Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia là:
  - Bà Tòng Thị Phóng, Phó Chủ tịch Quốc hội;
  - Bà Nguyễn Thị Doan, Phó Chủ tịch nước;
  - Ông Nguyễn Xuân Phúc, Phó Thủ tướng Chính phủ;
  - Ông Nguyễn Thiện Nhân, Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
3. Các Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia:
  - Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Phó Chủ tịch Quốc hội;
  - Ông Uông Chu Lưu, Phó Chủ tịch Quốc hội;
  - Ông Huỳnh Ngọc Sơn, Phó Chủ tịch Quốc hội;
  - Ông Tô Huy Rứa, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng khóa XI;
  - Ông Ngô Văn Dụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng khóa XI;
  - Ông Phùng Quang Thanh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;
  - Ông Trần Đại Quang, Bộ trưởng Bộ Công an;
  - Bà Nguyễn Thị Nương, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Trưởng Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Ông Nguyễn Hạnh Phúc, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Ông Nguyễn Thái Bình, Bộ trưởng Bộ Nội vụ;
- Ông Nguyễn Bắc Sơn, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa, Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam;
- Ông Đặng Ngọc Tùng, Chủ tịch Tổng liên đoàn lao động Việt Nam;
- Ông Nguyễn Quốc Cường, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam;
- Ông Nguyễn Văn Đước, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- Ông Nguyễn Đắc Vinh, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Hội đồng bầu cử quốc gia đã có Nghị quyết số 20, số 21 và số 22/NQ-HĐBCQG ngày 19-12-2015 thành lập ba Tiểu ban giúp Hội đồng bầu cử quốc gia thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong từng lĩnh vực, bao gồm:

- Tiểu ban nhân sự và giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- Tiểu ban an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
- Tiểu ban văn bản pháp luật và thông tin, tuyên truyền.

Đồng thời, căn cứ vào Nghị quyết số 1074/2015/UBTVQH13 ngày 11-12-2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về bộ máy giúp việc của Hội đồng bầu cử quốc gia, Hội đồng bầu cử quốc gia đã thành lập Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia để giúp việc cho Hội đồng.

**Câu 57: Nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức giúp Hội đồng bầu cử quốc gia được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

1. Tiểu ban nhân sự và giải quyết khiếu nại, tố cáo có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia về công tác nhân sự, hồ sơ người ứng cử, danh sách chính thức người ứng cử đại biểu Quốc hội, lập danh sách đơn vị bầu cử, phân bổ người ứng cử đại biểu Quốc hội ở trung ương về địa phương, xác nhận và công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội;

- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo, hướng dẫn và xem xét việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong bầu cử theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia giao.

2. Tiểu ban an ninh, trật tự, an toàn xã hội có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia giao.

3. Tiểu ban văn bản pháp luật và thông tin, tuyên truyền có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bầu cử;
- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia chỉ đạo, hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia giao.

4. Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Phục vụ Hội đồng bầu cử quốc gia, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia và các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;
- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia soạn thảo các văn bản thuộc thẩm quyền theo phân công;
- Tổ chức phục vụ các phiên họp, cuộc họp của Hội đồng bầu cử quốc gia, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử quốc gia;
- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện công tác bầu cử;
- Giúp Hội đồng bầu cử quốc gia quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia;
- Thực hiện công tác hành chính, văn thư liên quan đến hoạt động của Hội đồng bầu cử quốc gia;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia giao.

**Câu 58: Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thành lập khi nào? Thành phần, số lượng thành viên được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thành lập chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban bầu cử ở tỉnh) để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ủy ban bầu cử ở tỉnh có từ 21 đến 31 thành viên gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Danh sách Ủy ban bầu cử ở tỉnh phải được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Ban thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**Câu 59: Ủy ban bầu cử cấp huyện, cấp xã được thành lập khi nào? Thành phần, số lượng thành viên được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Chậm nhất là 105 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban bầu cử ở huyện), Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban bầu cử ở xã) để tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã tương ứng.

Ủy ban bầu cử ở huyện có từ 11 đến 15 thành viên; Ủy ban bầu cử ở xã có từ 9 đến 11 thành viên. Thành viên Ủy ban bầu cử ở huyện, ở xã gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

Danh sách Ủy ban bầu cử ở huyện, Ủy ban bầu cử ở xã phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên trực tiếp.

**Câu 60: Ủy ban bầu cử ở tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn gì trong bầu cử đại biểu Quốc hội?**

**Trả lời:**

Trong bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội ở các đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử;

b) Chỉ đạo thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

c) Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

d) Nhận và xem xét hồ sơ của người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và hồ sơ của người tự ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương; gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của những người được giới thiệu ứng cử và những người tự ứng cử đại biểu

Quốc hội đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để tiến hành hiệp thương; gửi hồ sơ và danh sách người ứng cử đại biểu Quốc hội tại địa phương đến Hội đồng bầu cử quốc gia;

đ) Lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội theo đơn vị bầu cử và báo cáo để Hội đồng bầu cử quốc gia quyết định;

e) Chỉ đạo, kiểm tra việc lập và niêm yết danh sách cử tri;

g) Nhận tài liệu, phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phân phối cho các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử;

h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Quốc hội do Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử chuyển đến; khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội;

i) Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội của các Ban bầu cử đại biểu Quốc hội; lập biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương;

k) Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội theo yêu cầu của Hội đồng bầu cử quốc gia;

l) Chuyển hồ sơ, biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội đến Hội đồng bầu cử quốc gia;

m) Tổ chức việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Quốc hội theo quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia.

**Câu 61: Ủy ban bầu cử ở các cấp có nhiệm vụ, quyền hạn gì trong bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp?**

**Trả lời:**

Trong bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử ở các cấp có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chỉ đạo việc tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình ở địa phương; kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Quản lý và phân bổ kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình;

c) Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền và vận động bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương;

d) Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương;

đ) Ấn định và công bố số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu của mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình;

e) Nhận và xem xét hồ sơ của những người được tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, thôn, tổ dân phố ở địa phương giới thiệu ứng cử và những người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình; gửi danh sách trích ngang lý lịch, bản sao tiểu sử tóm tắt và bản kê khai tài sản, thu nhập của người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để tiến hành hiệp thương;

g) Lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình theo từng đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; xóa tên người ứng cử trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

h) Nhận tài liệu, phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân từ Ủy ban nhân dân cùng cấp và phân phối cho các Ban bầu cử chậm nhất là 25 ngày trước ngày bầu cử;

i) Nhận và kiểm tra biên bản xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình ở từng đơn vị bầu cử do các Ban bầu cử gửi đến; lập biên bản tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của cấp mình;

k) Chỉ đạo việc bầu cử thêm, bầu cử lại đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định tại các điều 79, 80, 81 và 82 của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;

l) Xác nhận và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

m) Trình Hội đồng nhân dân khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp được bầu;

n) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình, Tổ bầu cử; khiếu nại, tố cáo về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình do Ban bầu cử, Tổ bầu cử chuyển đến; khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, việc lập danh sách người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

o) Bàn giao các biên bản tổng kết và hồ sơ, tài liệu về cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cho Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp khóa mới.

**Câu 62: Ban bầu cử đại biểu Quốc hội được thành lập khi nào? Thành phần, số lượng thành viên Ban bầu cử được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Ban bầu cử đại biểu Quốc hội được thành lập chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp



quyết định thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội một Ban bầu cử đại biểu Quốc hội có từ 9 đến 15 thành viên gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và các Ủy viên là đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và một số cơ quan, tổ chức hữu quan.

**Câu 63: Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được thành lập khi nào? Thành phần, số lượng thành viên Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được thành lập chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình một Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân gồm đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có từ 11 đến 13 thành viên.

Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện có từ 9 đến 11 thành viên.

Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có từ 7 đến 9 thành viên. Ban bầu cử gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và các Ủy viên.

**Câu 64: Ban bầu cử có nhiệm vụ, quyền hạn gì?**

**Trả lời:**

Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có chung những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Kiểm tra, đôn đốc việc thi hành pháp luật về bầu cử của các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;

b) Kiểm tra, đôn đốc việc lập, niêm yết danh sách cử tri và việc niêm yết danh sách những người ứng cử ở các Tổ bầu cử thuộc đơn vị bầu cử;

c) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc bố trí các phòng bỏ phiếu và công việc bầu cử ở các phòng bỏ phiếu;

d) Nhận và phân phối tài liệu, phiếu bầu cử cho các Tổ bầu cử chậm nhất là 15 ngày trước ngày bầu cử;

đ) Nhận, tổng hợp và kiểm tra biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử của các Tổ bầu cử; lập biên bản xác định kết quả bầu cử ở đơn vị bầu cử;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện công tác bầu cử của các Tổ bầu cử và khiếu nại, tố cáo về bầu cử do các Tổ bầu cử chuyển đến;

nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội (với Ban bầu cử đại biểu Quốc hội); nhận và chuyển đến Ủy ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

g) Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo hướng dẫn, yêu cầu của Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc theo yêu cầu của Ủy ban bầu cử cùng cấp;

h) Chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội đến Ủy ban bầu cử ở tỉnh (với Ban bầu cử đại biểu Quốc hội); chuyển hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân đến Ủy ban bầu cử cùng cấp;

i) Tổ chức thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại (nếu có).

**Câu 65: Tổ bầu cử được thành lập ở đâu, khi nào? Thành phần, số lượng thành viên Tổ bầu cử được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tổ bầu cử được thành lập ở khu vực bỏ phiếu (mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử) chậm nhất là 50 ngày trước ngày bầu cử.

Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Tổ bầu cử có từ 11 đến 21 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương.

**Câu 66: Thành lập Tổ bầu cử ở đơn vị vũ trang như thế nào? Tổ bầu cử chung với đơn vị vũ trang được thành lập như thế nào?**

**Trả lời:**

Đơn vị vũ trang nhân dân được xác định là khu vực bỏ phiếu riêng được thành lập một Tổ bầu cử có từ 5 đến 9 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó.

Trong trường hợp đơn vị vũ trang nhân dân và địa phương có chung một khu vực bỏ phiếu thì Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân quyết định thành lập Tổ bầu cử có từ 11 đến 21 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương, đại diện chỉ huy đơn vị và đại diện quân nhân của đơn vị vũ trang nhân dân đó.

**Câu 67: Ở những huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì việc thành lập Tổ bầu cử như thế nào?**

**Trả lời:**

Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì Ủy ban nhân dân huyện sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử có từ 11 đến 21 thành viên gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên là đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương.

**Câu 68: Tổ bầu cử có nhiệm vụ, quyền hạn gì?**

**Trả lời:**

Tổ bầu cử có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- a) Phụ trách công tác bầu cử trong khu vực bỏ phiếu;
- b) Bố trí phòng bỏ phiếu, chuẩn bị hòm phiếu;
- c) Nhận tài liệu và phiếu bầu cử từ Ban bầu cử; phát thẻ cử tri, phiếu bầu cử có đóng dấu của Tổ bầu cử cho cử tri;
- d) Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử;
- đ) Bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về bầu cử và nội quy phòng bỏ phiếu;
- e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; nhận và chuyển đến Ban bầu cử tương ứng khiếu nại, tố cáo về người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, khiếu nại, tố cáo khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổ bầu cử;
- g) Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử để gửi đến Ban bầu cử tương ứng;
- h) Chuyển biên bản kết quả kiểm phiếu bầu cử và toàn bộ phiếu bầu cử đến Ủy ban nhân dân cấp xã khi kết thúc việc kiểm phiếu;
- i) Báo cáo tình hình tổ chức và tiến hành bầu cử theo quy định của các tổ chức phụ trách bầu cử cấp trên;
- k) Thực hiện việc bầu cử thêm, bầu cử lại tại khu vực bỏ phiếu (nếu có).

**Câu 69: Các tổ chức phụ trách bầu cử làm việc theo chế độ nào?**

**Trả lời:**

Hội đồng bầu cử quốc gia và các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Các cuộc họp được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham dự; các quyết định được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

**Câu 70: Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử và thành viên của các tổ chức này có được vận động bầu cử cho những người ứng cử không?**

**Trả lời:**

Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử và thành viên của các tổ chức này không được vận động bầu cử cho những người ứng cử.

Các thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử nói trên không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để vận động bầu cử cho những người ứng cử nhằm bảo đảm sự công bằng, bình đẳng đối với những người ứng cử.

**Câu 71: Khi nào Hội đồng bầu cử quốc gia hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân?**

**Trả lời:**

Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc nhiệm vụ sau khi đã trình Quốc hội khóa mới báo cáo tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước và kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội được bầu, bàn giao biên bản tổng kết và hồ sơ, tài liệu về bầu cử đại biểu Quốc hội cho Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa mới.

**Câu 72: Khi nào Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân?**

**Trả lời:**

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Quốc hội sau khi Hội đồng bầu cử quốc gia kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử đại biểu Quốc hội trong cả nước và công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội.

Ủy ban bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp sau khi Ủy ban bầu cử đã trình báo cáo tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và hồ sơ, tài liệu về bầu cử tại kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân khóa mới.

Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ bầu cử hết nhiệm vụ đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân sau khi Ủy ban bầu cử kết thúc việc tổng kết công tác bầu cử và công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Câu 73: Những trường hợp không được tham gia vào các tổ chức phụ trách bầu cử và việc thay đổi, bổ sung hoặc giữ nguyên thành viên tổ chức phụ trách bầu cử được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử.

Nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử thì người ứng cử phải xin rút khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử đó chậm nhất là vào ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử. Trường hợp người ứng cử không có đơn xin rút thì cơ quan đã quyết định thành lập Ban bầu cử, Tổ bầu cử ra quyết định xóa tên người đó khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử và bổ sung thành viên khác để thay thế.

**Câu 74: Trường hợp đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã chỉ có một khu vực bỏ phiếu thì nhiệm vụ và số lượng thành viên của**

**Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã và Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào? Con dấu của Ban bầu cử và Tổ bầu cử được sử dụng như thế nào?**

**Trả lời:**

- Tại đơn vị bầu cử chỉ có một khu vực bỏ phiếu, thành viên Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã kiêm nhiệm vụ thành viên Tổ bầu cử; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về bầu cử.

- Về số lượng thành viên của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã và Tổ bầu cử. Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có từ bảy đến chín thành viên theo quy định; trong khi Tổ bầu cử được thành lập theo một quyết định khác, có từ mười một đến hai mươi một thành viên (trong đó có số thành viên của Ban bầu cử).

- Về việc đóng dấu của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã kiêm nhiệm Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân:

+ Đóng dấu của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trong biên bản kiểm phiếu và xác định kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

+ Đóng dấu của Tổ bầu cử với mỗi loại biên bản kê việc sử dụng phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Như vậy, trong trường hợp trên phải có hai quyết định: Thành lập Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử) và thành lập Tổ bầu cử (chậm nhất là 50 ngày trước ngày bầu cử); đồng thời có hai con dấu của các tổ chức trên để thực hiện nhiệm vụ về bầu cử. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban bầu cử thì đóng dấu của Ban bầu cử, khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử thì đóng dấu của Tổ bầu cử.

**Câu 75: Địa phương có thể thành lập thêm các tổ chức trung gian ở xã, phường, thị trấn và ở các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để giúp các Ban bầu cử tập hợp kết quả bầu cử được không?**

**Trả lời:**

Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định các tổ chức phụ trách bầu cử gồm:

- Hội đồng bầu cử quốc gia;

- Các tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương:

+ Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban bầu cử).

+ Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là Ban bầu cử).

+ Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu.

Nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức phụ trách bầu cử này cũng được quy định hết sức cụ thể. Vì vậy, để bảo đảm thống nhất và phù hợp với các quy định của pháp luật, các địa phương không được thành lập thêm các tổ chức trung gian để tập hợp kết quả bầu cử ở các xã, phường, thị trấn và ở các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

**Câu 76: Việc trưng tập người để hỗ trợ hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Hội đồng bầu cử quốc gia có quyền trưng tập cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để giúp việc cho Hội đồng bầu cử quốc gia.

Cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức phụ trách bầu cử ở địa phương có quyền trưng tập cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập để giúp thực hiện các công việc liên quan đến tổ chức bầu cử.

\*

\*

\*

*(Theo sách "Hỏi - Đáp về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021" do Hội đồng bầu cử quốc gia biên soạn để phục vụ cuộc bầu cử / Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật năm 2016).*